

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/02/2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hương

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Song T**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Anh **Thạch Bạch M**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2020 (BL21), biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2020, cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Song T trình bày: Vào năm 2016 chị Nguyễn Thị Song T và anh Thạch Bạch M có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2016. Sau cưới chị T về làm dâu bên nhà chồng tại ấp B, xã H, thị xã VC, đến tháng 02/2018 thì chị T và anh M về nhà cha mẹ ruột của chị T để sinh sống tại ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu hai vợ chồng sống rất hạnh phúc, về sau thì anh M không lo chí thú làm ăn, không còn có trách nhiệm với vợ con nên hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn với nhau và ngày càng trầm trọng hơn, nên từ tháng 7/2020 thì anh M bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh M để sinh sống và hai vợ chồng cũng ly thân từ thời gian đó

cho đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau có con 01 chung tên Thạch Ngọc M, sinh ngày 22/5/2017 (nữ); hiện đang do chị T nuôi dưỡng; Về sản chung, nợ chung không có.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh M. Về con chung cháu Thạch Ngọc M đang sống chung với chị T nên chị T yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, nhưng anh M không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời anh M cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M, giao con chung là cháu Thạch Ngọc M, sinh ngày 22/5/2017 (nữ) cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh M, nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Song T nhận thấy hôn nhân của chị T và anh M là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016 và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2016. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh M không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh M nên có nguyện vọng ly hôn. Chị T và anh M đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên chị T suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh M, nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị T và anh M có 01 người con chung tên Thạch Ngọc M, sinh ngày 22/5/2017 (nữ) chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống của cháu M không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Thạch Ngọc M cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, chị T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Song T đối với bị đơn anh Thạch Bạch M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Song T được ly hôn với anh Thạch Bạch M.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Ngọc M, sinh ngày 22/5/2017 (nữ) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Thạch Bạch M không phải cấp dưỡng nuôi con, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thạch Ngọc M của chị T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị T khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Song T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0006424, ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Thạch Bạch M không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND xã H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Dương Chiêu Hùng**